TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 01/2019/HNGĐ - ST
Ngày 15 tháng 02 năm 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đức và ông Đỗ Hồng Phúc;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018. Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác là Nguyễn Thị H), sinh năm 1978; nơi cư tú: Thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Lê Văn M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác là Nguyễn Thị H), kết hôn với nhau ngày 08/10/1997 tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, chị S về nhà anh làm dâu ngay. Ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị S có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Khi anh phát hiện ra chị S ngoại tình

thì anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị S không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng mâu thuẫn trầm trọng. Ngày 17/11/2017, chị S đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau. Trong thời gian anh và chị S sống ly thân thì cả hai anh chị không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S.

Bị đơn là Nguyễn Thị S (tên gọi khác là Nguyễn Thị H), đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của chị S. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ đối với bà Nguyễn Thị M là chị dâu của chị S. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2018, bà M trình bày.

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng anh M chị S xẩy ra như lời trình bày trên của anh M là đúng. Hiện tại, bà đang sống chung cùng với bố đẻ của chị S trong một nhà nên bà biết việc vợ chồng anh M và chị S mâu thuẫn đồng thời bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị S khi trong nhà có công việc. Sau khi anh M và chị S kết hôn, tình cảm vợ chồng anh chị ban đầu hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng anh M chị S có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do, trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng anh M chị S luôn bất đồng quan điểm về việc bảo ban nhau làm ăn kinh tế. Khoảng tháng 11 năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng. Chị S có về nhà bố mẹ đẻ ở cùng với gia đình bà được một thời gian thì chị S bỏ đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về thăm gia đình và chơi với bố mẹ đẻ. Sau khi anh M có đơn xin ly hôn, bà có nhận được tất cả các loại giấy triệu tập của Tòa án gửi về cho chị S yêu cầu chị S đến Tòa án để giải quyết việc anh M xin ly hôn. Do chị S không có mặt ở nhà nên bà đã thông báo bằng điện thoại cho chị S biết toàn bộ nội dung viết trong các giấy triệu tập của Tòa án gửi về cho chị S, đồng thời có bảo chị S về nhà để giải quyết nhưng chị S nói với bà là đang đi làm ăn xa, không xin nghỉ để về Tòa án làm việc được vì vậy chị S không thể về Tòa án để giải quyết việc anh M xin ly hôn chị. Bà M đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh M và chị S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh M và bà M đều xác định, vợ chồng anh M chị S có 02 con chung là Lê Thị N, sinh ngày 27/9/1998 và Lê Văn M, sinh ngày 06/02/2004. Hiện tại cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu M đang ở với anh M. Ly hôn, anh M đề nghị Tòa án cho anh được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Anh M, không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức. Anh M xác định, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà M không nắm rõ được vợ chồng anh M có những gì nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn M, cho anh M được ly hôn với chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác là Nguyễn Thị H). Giao cho anh M được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Văn M, sinh ngày 06/02/2004. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau này chị S về nếu có yêu cầu chuyển dịch quyền nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh M không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đá được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn M là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác là Nguyễn Thị H). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh M và bà M là chị dâu của chị S và ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của chị S đều xác định. Anh M và chị Sáu kết hôn với nhau vào ngày 08 tháng 10 năm 1997, tại Ủy ban nhân dân xã T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân

huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị S là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị S theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh M xác định, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị S không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị S. Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên cần xác định cuộc hôn nhân của anh M chị S là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án, chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do dẫn đến việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải để tìm biện pháp cho anh M và chị S có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng về sống đoàn tụ với nhau cùng nhau nuôi dạy con. Căn cứ vào lời khai của anh M và bà M là chị dâu của chị S xác định, quá trình chung sống giữa anh M và chị S có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do, trong cuộc sống hàng ngày anh M và chị S không hiểu nhau bất đồng quan điểm dẫn đến thiếu niềm tin và thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cả hai người đều buông xuôi không tìm biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ rồi đi làm ăn xa nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả anh M và chị S đều không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh M làm đơn xin ly hôn chị S. Khi anh M làm đơn xin ly hôn, chị S có biết nhưng chị S không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa anh M và chị S đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu xin ly hôn của anh M là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho anh M được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Anh M và bà M đều thừa nhận, vợ chồng anh M chị S có 02 con chung là Lê Thị N, sinh ngày 27/9/1998 và Lê Văn M, sinh ngày 06/02/2004. Hiện tại cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu M đang ở với anh M. Ly hôn, nguyện vọng của anh M xin được nuôi con và

không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân cháu M cũng có nguyện vọng xin được ở với anh M. Do hiện nay, chị S không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của chị S. Vì vậy, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của chị S ra sao. Để thuận lợi trong việc trông nom, chăm sóc và tránh làm sáo trộn tâm lý ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của cháu M. Hội đồng xét xử cần giao cho anh M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Sau này khi chị S về nếu có nguyện vọng nuôi con thì chị S sẽ đề nghị chuyển dịch quyền nuôi con bằng một vụ án khác. Do anh M không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh M. Không ai được quyền cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của chị S.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện tại chị S không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của chị S để biết được nguyện vọng của chị S. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Anh M phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác là Nguyễn Thị H).

2/ Về con chung: Giao con chung là Lê Văn M, sinh ngày 06/02/2004 cho anh Lê Văn M được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh M, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị S.

3/ Về án phí: Anh Lê Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số AA/2017/0000519 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh M đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh